TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH Q NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HSST
Ngày 01/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH Q NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Nho Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Trần Thanh Thuỷ**

+ Ông **Dương Minh Ngọc**

Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Thức** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Q Nam tham gia phiên toà có: Ông **Trần Văn Tuấn –** Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Q Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 17/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn C, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1995 tại: thôn T, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Q Nam; nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Q Nam; nghề nhiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Thanh H, và bà Ngô Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Th và có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2017 đến nay có mặt tại phiên toà.

2. Nguyễn Văn Q, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1999 tại: thôn X, xã B Bắc, huyện Thăng Bình, tỉnh Q Nam; nơi cư trú: thôn X, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Q Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn L và bà Lê Thị G (đã chết); tiền án: không, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2017 đến nay có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Vũ Hoàng Đăng L, sinh năm 1990

Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Q Nam (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn L, sinh năm 1966

Trú tại: thôn X, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Q Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 02/10/2017, Nguyễn Văn Q điều khiển xe mô tô BKS: 92N9-2033 (xe của cha ruột là ông Nguyễn L) chở Phan Văn C theo quốc lộ 1A từ huyện Thăng Bình vào huyện Núi Thành, tỉnh Q Nam tìm xe môtô để trộm cắp. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, C và Q điều khiển xe môtô đến địa bàn thị trấn Núi Thành. Khi ngang qua tiệm tôn Hằng Trực, thuộc khối 1, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Q Nam thì C phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 92N1-133.28 của anh Vũ Hoàng Đăng (sinh năm: 1990, trú thôn Đ, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Q Nam) để trước tiệm không người trông coi. C nói với Q "Có xe Exciter có chìa khóa, quay lại lấy", Q đồng ý và chở C quay ngược lại một đoạn rồi Q dừng xe, cả hai đứng quan sát thì thấy xe của anh L có chìa khóa. C bước xuống xe đi bộ vào trong còn Q chạy xe mô tô tới một đoạn đứng canh. C đi vào trong tiếp cận và dắt trộm xe máy của anh L ra đường. Khi dắt được 02-03m thì C dừng lại ngồi lên xe đề máy chạy nhưng xe không nổ, lúc này anh L phát hiện la lên thì C bỏ xe chạy bộ đến chỗ Q đang đứng đợi sẵn và nói: "chạy đi Út", Q chở C bỏ chạy vào hướng Q Ngãi, cùng lúc này anh Nguyễn Thành T và anh Lê Tấn Đ (cùng trú tại khối 2, thị trấn Núi Thành) và một số người dân ở gần đó đuổi theo và bắt được C và Q. Sau đó trình báo cho Công an thị trấn Núi Thành.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 81/2017-KLGTS ngày 03/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh – trắng, BKS: 92N1-133.28, đã qua sử dụng có giá trị: 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh – trắng, BKS: 92N1-133.28: đã trả lại cho bị hại Vũ Hoàng Đăng L; 01 xe mô tô biển kiểm soát 92N9-2033 của ông Nguyễn L (cha ruột Nguyễn Văn Q), hiện đang tạm giữ; 01 chìa khóa xe có dòng chữ Y1080, 01 điện thoại di động MASSTEL A106 của Phan Văn C, hiện đang tạm giữ; 01 điện thoại di động SAMSUNG SM-G532G/DS của Nguyễn Văn Q, hiện đang tạm giữ, tiền mặt 1.084.000 đồng của Nguyễn Văn Q, số tiền này hiện đang tạm gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Núi Thành.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Vũ Hoàng Đăng L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 59/QĐ-VKS ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đã truy tố các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn Q về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138, các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phan Văn C từ 18 đến 24 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 12 đến 18 tháng tù; về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu huỷ 01 chìa khoá xe có dòng chữ Y1080; trả lại cho ông Nguyễn L 01 xe mô tô biển kiểm soát 92N9-2033; trả lại cho bị cáo Phan Văn C 1 điện thoại di động MASSTEL A106; Trả

lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động SAMSUNG SM-G532G/DS và tiền mặt 1.084.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên toà sơ thẩm các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn Q khai nhận: do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo C cùng với bị cáo Q thực hiện hành vi trộm cắp xe môtô của người khác bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân, Bị cáo C là người trực tiếp rủ rê, tổ chức và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô; còn bị cáo Q là người chịu trách nhiệm dùng xe mô tô chở bị cáo C, và đứng canh để bị cáo C trộm xe môtô. Với thủ đoạn, cách thức nêu trên, khoảng 14 giờ ngày 02/10/2017, bị cáo Q dùng xe mô tô biển kiểm soát 92N9-2033 chở bị cáo C đến trước tiệm tôn Hằng Trực thuộc khối 1, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Q Nam, bị cáo C nhìn thấy xe mô tô Exciter BKS: 92N1-133.28 của anh Vũ Hoàng Đăng L theo định giá là 25.000.000 đồng dựng trước cửa tiệm không người trông coi nên bị cáo C bảo bị cáo Q quay xe lại để cho bị cáo C vào lấy xe, bị cáo Q đồng ý quay lại đứng canh bên ngoài; bị cáo C đi đến lén lút dắt xe ra rồi ngồi lên xe đề máy nhưng xe không nổ, ngay sau đó thì bị người dân phát hiện, bắt giữ.

[3] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 02/10/2017, kết luận định giá tài sản số 81/2017-KLGTS ngày 03/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên toà nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn Q phạm tội *"trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc phân công nhiệm vụ nên các bị cáo phạm tội có tổ chức, trong đó bị cáo C là người tổ chức đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Q là người giúp sức chở bị cáo C đồng thời là người đứng canh bên ngoài cho bị cáo C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản

[5] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì thấy: tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm

một cách bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị. Các bị cáo có đủ năng lực hành vi để nhận biết điều đó nhưng do lười nhác lao động và muốn có tiền tiêu xài mà không cần bỏ sức lao động nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Vũ Hoàng Đăng L. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây hoang mang, lo lắng cho nhân dân nên cần xử phạt nghiêm nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên xét các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban nhân dân xã Bình Định Bắc, đối với bị cáo C đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình nhưng xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần cá thể hóa về hình phạt đối với từng bị cáo trong vụ án thì bị cáo C phải bị xử phạt cao hơn so với bị cáo Q.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Vũ Hoàng Đăng L đã nhận lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92N1-133.28 và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu huỷ 01 chìa khoá xe có dòng chữ Y1080; đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh – trắng, biển kiểm soát 92N1-133.28 đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành trả lại cho bị hại Vũ Hoàng Đăng L là phù hợp; 01 xe mô tô biển kiểm soát 92N9-2033 của ông Nguyễn L cha ruột bị cáo Q, ông L không biết bị cáo Q sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên trả lại cho ông Nguyễn L; 01 điện thoại di động MASSTEL A106 của bị cáo C, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo C; 01 điện thoại di động SAMSUNG SM-G532G/DS, tiền mặt 1.084.000đ của bị cáo Q không sử dụng vào việc phạm tội và không phải do phạm tội mà có nên trả lại cho bị cáo Q.

[9] Đối với các vụ trộm cắp xe mà bị cáo C và bị cáo Q khai nhận đã thực hiện trên các địa bàn Thành phố Tam Kỳ, Thị xã Điện Bàn, huyện Thăng Bình và Thành phố Đà Nẵng, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành đã chuyển thông tin tội phạm cho các đơn vị có liên quan và các đơn vị này đã tiếp nhận, thụ lý, khởi tố điều tra theo thẩm quyền là phù hợp.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 138, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn Q phạm tội :*"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Phan Văn C 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu huỷ 01 chìa khoá xe có dòng chữ Y1080; trả lại cho ông Nguyễn L 01 xe mô tô biển kiểm soát 92N9-2033; Trả lại cho bị cáo Phan Văn C 1 điện thoại di động MASSTEL A106; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động SAMSUNG SM-G532G/DS (Vật chứng hiện đang do cơ quan thi hành án dân sự huyện Núi Thành quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 29/01/2018); Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 1.084.000 đồng (số tiền này hiện đang do kho bạc Nhà nước huyện Núi Thành quản lý tại giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.9042536.00000 của Công an huyện Núi Thành lập ngày 05/10/2017).

Về án phí: Các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các cơ quan tiến hành tố tụng;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Nho Hoàng